




0023

14 311

4143110023, S758315 - GIA CONG 31/01/2024



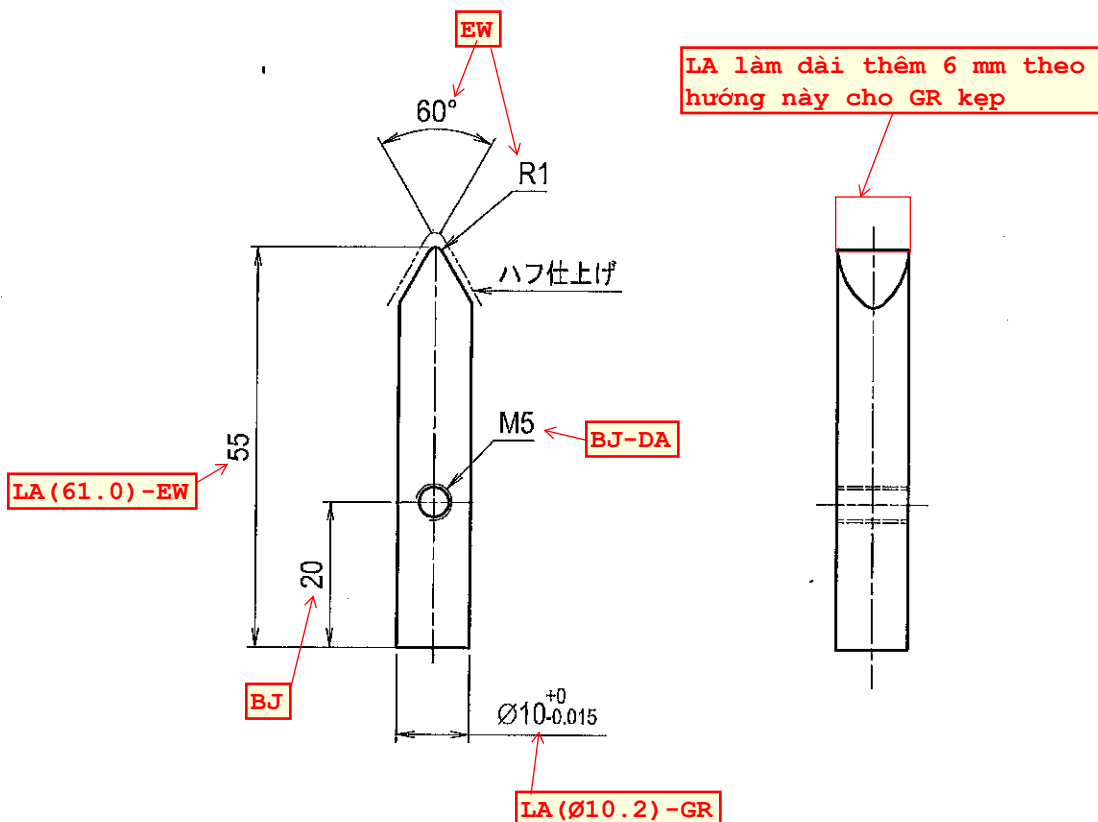
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2007/08/01			HUNG	Tan, Hsiao, Lung	$0.5 \leq , \leq 6$	± 0.1
						$6 < , \leq 30$	± 0.2
						$30 < , \leq 120$	± 0.3
						$120 < , \leq 315$	± 0.5
						TOLERANCES NOT	

XUẤT BẢN VẼ

BẢN VẼ DÙNG

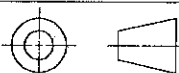
CHẾ TẠC - NGHIỆM THU

XUẤT BẢN VẼ
BẢN VẼ DÙNG
CHẾ TẠC - NGHIỆM THU
HỦY SAU KHI HOÀN TẤT
ĐO NOT COPY
2023.11.02
P.QLKTSX VDM



S CHUẨN

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
HUNG	Tan_Hsiao_Lung	部品図 PART DRAWING	送り爪 FEED CLAW
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	輸送爪
HRC 55° ~ 60°		部品図	輸送爪
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKS3	2007/08/01	1:1	S758315



SNO: **S758315**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS2 Ø12*65	LA:30 BJ:10 DA:50 HT:40 GR:30 EW:30 AF:10 KT